

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒNG NGỰ
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 42/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 24-3-2025
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lương Bằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Thanh Hải.
- Bà Ngô Thị Lệ Nga.

Thư ký phiên tòa: Ông Dương Thành Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Diệp Văn Hiếu Nhỏ - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 260/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2024, về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lê Phước S, sinh ngày 17 tháng 3 năm 1983; Nơi thường trú: Ấp PĐA, xã PT, huyện PT, tỉnh An Giang; Nơi ở: Tổ 19, ấp PHA, xã PTA, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp; Có mặt.
- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thu D, sinh ngày 16 tháng 9 năm 1978; Nơi cư trú: Tổ 19, ấp PHA, xã PTA, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01 tháng 11 năm 2024, trong quá trình tiến hành tố tụng cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn, anh Lê Phước S, trình bày: Năm 2003, anh và chị D tự tìm hiểu nhau, được gia đình hai bên chấp nhận, tổ chức lễ cưới vào năm 2004, đăng ký kết hôn năm 2006 tại Ủy ban nhân dân xã PT, huyện PT, An Giang. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian, có 01 con chung. Tuy nhiên trong cuộc sống, vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau. Khi xảy ra mâu thuẫn, vợ thường ôm đồ bỏ nhà vài lần, sau một thời gian mới trở về. Vợ chồng cho nhau nhiều cơ hội nhưng đâu cũng vào đó. Đến năm 2024, sau khi cãi nhau vợ tiếp tục bỏ đi, là lần thứ 3 hành động như vậy. Vợ chồng không sống chung từ tháng 4 năm 2024. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên anh yêu cầu được ly hôn chị Nguyễn Thị Thu D. Về con chung: 01 con chung tên Lê Phước N, sinh ngày 19 tháng 12 năm 2006, đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai đề ngày 04 tháng 02 năm 2025, bị đơn chị Nguyễn Thị Thu D, trình bày tóm tắt như sau: Vào năm 2003, vợ chồng kết hôn, có 01 con chung là Lê Phước N, sinh năm 2006. Hiện tại, chồng chị tự quyết định ly hôn nhưng chị không đồng ý ly hôn, bởi tình cảm vợ chồng không đến mức ly hôn. Do vấn đề về kinh tế và mâu thuẫn gia đình với con do chồng chị bạo hành anh S nên khi con chị bị bức xúc quá do bên vực mẹ đã đánh chồng chị để bảo vệ chị, nên mới xảy ra việc ly hôn này. Trong vấn đề ly hôn còn nhiều chuyện về nhà cửa mới cất mà chị sợ chị không ở được nên mới bỏ nhà đi chứ không phải không còn tình cảm với chồng, vấn đề phát sinh trong chuyện làm ăn do dịch Covid-19 bị giựt nợ nhiều, chồng chị buồn cộng thêm con chị có mâu thuẫn lớn với anh nên mới như vậy. Trong suốt 10 tháng chị đi, chồng nhiều lần kêu về, nhưng sợ cái nhà nên lần lựa không về và cách nay 3 tháng thì anh mới quyết định đưa đơn ly hôn. Chị cũng không ngờ. Chị mong Tòa xem xét lại, hòa giải giúp vợ chồng chị. Về tài sản thì chồng chị đòi chia cho chị tổng cộng 500 triệu đồng, chị không đồng ý. Chồng chị nêu trong đơn con chung đã đủ 18 tuổi nên không liên quan đến việc chia tài sản và không yêu cầu Tòa án giải quyết con chung, chị không đồng ý, yêu cầu Tòa án giải quyết về việc con chung. Chồng chị đòi thỏa thuận miệng, nếu chồng cương quyết ly hôn thì yêu cầu Tòa giải quyết chia tài sản chung theo quy định pháp luật. Sau cùng vẫn mong Tòa hòa giải giúp vợ chồng không ly hôn chứ không muốn chia tài sản hay giành giựt gì hết. Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Thu

D không đồng ý ly hôn vì còn thương chồng; về con chung, tài sản chung và nợ chung thì không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về tố tụng từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án theo đúng các quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; đương sự chấp hành đúng nội quy phiên tòa. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Lê Phước S, cho ly hôn giữa anh Lê Phước S với chị Nguyễn Thị Thu D. Về con chung: Đã trưởng thành. Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu, nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Lê Phước S khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị Thu D là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Quan hệ hôn nhân giữa anh Lê Phước S và chị Nguyễn Thị Thu D được pháp luật công nhận, vì có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Tại phiên tòa, anh S vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với chị D.

[3] Xét, yêu cầu của anh S là có căn cứ để chấp nhận, vì trong quá trình chung sống giữa anh S, chị D phát sinh mâu thuẫn gia đình là có thật, vợ chồng anh S, chị D không đã còn sống chung đã lâu vẫn không đoàn tụ được. Điều này cho thấy hôn nhân giữa anh S, chị D không thể hàn gắn, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh S được ly hôn với chị D theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Đã trưởng thành, tự lao động, sinh sống được nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Do anh S và chị D chưa có yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét; khi nào có yêu cầu có quyền khởi kiện theo thủ tục chung.

[6] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn anh Lê Phước S phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 9, 51, 53, 55 và 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh Lê Phước S. Cho anh Lê Phước S ly hôn với chị Nguyễn Thị Thu D.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Lê Phước S chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0014516 ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 24 tháng 3 năm 2025).

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Hồng Ngự;
- UBND X.PT, H.PT, T.An Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Lương Bằng

